ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 7215 /UBND-NNTN	*Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 11 năm 2017*

V/v bổ sung vào bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 đối với các thửa đất chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Đức Phổ

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 10708
Ngày: 22/11/17
Chuyển:

Kính gửi:
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Đức Phổ.

Xét đề nghị của UBND huyện Đức Phổ tại Công văn số 2221/UBND 30/8/2017 về việc bổ sung kế hoạch sử dụng đất và vị trí chuyển mục đích sử dụng đất vào bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện Đức Phổ đối với các thửa đất chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép của hộ gia đình, cá nhân; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 5666/STNMT-QLĐĐ ngày 16/11/2017, UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Thống nhất bổ sung các vị trí chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân vào bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện Đức Phổ, cụ thể như sau:

Tổng số 05 vị trí, diện tích 4.507 m^2, loại đất BHK; trong đó:

- Xã Phổ Thuận: Có 02 vị trí, diện tích 903m^2, loại đất BHK.
- Xã Phổ Phong: Có 01 vị trí, diện tích 2.454m^2, loại đất BHK.
- Thị trấn Đức Phổ: Có 02 vị trí, diện tích 1.150 m^2, loại đất BHK.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

2. UBND huyện Đức Phổ có trách nhiệm cập nhật các vị trí thửa đất nêu trên vào bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện; đồng thời chịu trách nhiệm việc đăng ký bổ sung các vị trí chuyển mục đích thực hiện trong năm kế hoạch.

3. Các vị trí cho phép chuyển mục đích sử dụng đất phải gắn kết với hạ tầng, kỹ thuật khu dân cư hiện hữu, không làm ảnh hưởng đến việc phát triển quỹ đất tập trung đối với các dự án của tỉnh, của huyện.

4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi và hướng dẫn UBND huyện Đức Phổ triển khai thực hiện đúng quy định.

Yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Đức Phổ triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP(NL), CNXD, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(tnh796).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh

Phụ lục:

DANH MỤC CÁC VỊ TRÍ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN BỔ SUNG VÀO BẢN ĐỒ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2017 CỦA HUYỆN ĐỨC PHỔ

(Kèm theo Công văn số 1745/UBND-NNTN ngày 21/11/2017 của UBND tỉnh)

I. Xã Phổ Thuận

1. Thửa đất số 140, diện tích 516 m^2, tờ bản đồ số 28, Loại đất BHK, bản đồ đo đạc năm 2006, xã Phổ Thuận. Vị trí giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000	
	X	Y
M1	1641814.2600	598581.6500
M2	1641815.7100	598558.2200
M3	1641795.2600	598563.0400
M4	1641793.4400	598575.3000
M5	1641792.4900	598577.2000
M6	1641788.7100	598581.8700
M7	1641787.8800	598586.9400

2. Thửa đất số 206, diện tích 387m^2, tờ bản đồ số 25, loại đất BHK, bản đồ đo đạc năm 2006, xã Phổ Thuận. Vị trí giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000	
	X (m)	Y (m)
M1	1642826.3900	599862.0400
M2	1642825.1300	599838.1600
M3	1642809.4100	599837.7100
M4	1642809.6700	599848.2000
M5	1642809.0200	599861.4600

II. Xã Phổ Phong

Thửa đất số 775, tờ bản đồ số 42, diện tích 2.454 m^2, loại đất BHK, bản đồ đo đạc năm 2006, xã Phổ Phong. Vị trí giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000	
	X (m)	Y (m)
M1	1643244.01	595062.54
M2	1643249.17	595064.23
M3	1643249.84	595066.51
M4	1643268.37	595067.38
M5	1643274.06	595070.09
M6	1643272.02	595076.49
M7	1643274.06	595089.05
M8	1643279.49	595088.20
M9	1643278.33	595079.76

Điểm góc	Tọa độ VN 2000	
	X (m)	Y (m)
M10	1643279.40	595069.94
M11	1643281.01	595069.85
M12	1643286.45	595086.06
M13	1643288.71	595090.69
M14	1643290.69	595096.73
M15	1643282.16	595101.63
M16	1643281.11	595100.32
M17	1643276.48	595102.18
M18	1643275.30	595099.91
M19	1643256.59	595103.68
M20	1643247.86	595117.31
M21	1643237.85	595116.97
M22	1643229.86	595119.40
M23	1643219.50	595122.86
M24	1643218.82	595117.14
M25	1643229.18	595079.60
M26	1643234.40	595077.79
M27	1643233.49	595072.69
M28	1643231.43	595072.78
M29	1643229.07	595064.85

III. Thị trấn Đức Phổ

1. Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 01, diện tích 767 m^2, loại đất BHK, bản đồ đo đạc năm 2000, thị trấn Đức Phổ. Vị trí giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000	
	X (m)	Y (m)
M1	1639306.02	603006.25
M2	1639318.71	603011.74
M3	1639325.16	603027.32
M4	1639295.37	603042.85
M5	1639287.44	603027.35

2. Thửa đất số 239, diện tích 383 m^2, tờ bản đồ số 15, loại đất BHK, bản đồ đo đạc năm 2000, thị trấn Đức Phổ. Vị trí giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000	
	X	Y
M1	1638443.98	1638443.98
M2	1638437.55	1638437.55
M3	1638421.28	1638421.28
M4	1638443.16	1638443.16

./.